

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN DƯƠNG
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **175/2020/HNGĐ- ST**

Ngày 15/6/2020

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tuấn Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ma Quốc Thề
2. Bà Hoàng Thị Oanh

Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Vân Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 15/6/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 446/2019/TLST- HNGĐ, ngày 19 tháng 12 năm 2019 về việc Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2020/QĐXXST- HNGĐ, ngày 11/5/2020; quyết định hoãn phiên tòa số 23/2020/QĐST- HNGĐ, ngày 27/5/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bàn Thị Th, sinh năm 1999.

- *Bị đơn:* Anh Ngô Quang T, sinh năm 1997.

Cùng trú tại: Thôn H, xã T, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị Th có mặt, anh T vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn chị Bàn Thị Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Ngô Quang T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 28/9/2017 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã K, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang theo đúng quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn hai vợ chồng cùng làm ăn sinh sống tại thôn H, xã T, huyện Sơn Dương. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến khoảng năm 2019 phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm dẫn đến thường xuyên cãi chửi nhau, cuộc sống chung luôn trong tình trạng căng thẳng.

Nay chị xác định tình cảm không còn, không thể đoàn tụ được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có một con chung là cháu Ngô Bảo H, sinh ngày 28/12/2016. Hiện nay cháu H đang ở cùng anh T. Khi ly hôn chị đề nghị được quyền nuôi dưỡng, giáo dục cháu H và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị Th xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T trốn tránh, giấu địa chỉ, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, không có văn bản trình bày ý kiến. Do đó Tòa án không lấy được lời khai và không hòa giải được.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/4/2020, bà Triệu Thị T1 (mẹ đẻ của anh Ngô Quang T) là người làm chứng trình bày:

Về thời gian kết hôn và quá trình chung sống của chị Th và anh T như chị Th trình bày là đúng. Về nguyên nhân dẫn đến ly hôn do anh chị thường hay cãi vã dẫn đến cuộc sống chung luôn căng thẳng, không có hạnh phúc. Đến khoảng năm 2019 do mâu thuẫn quá căng thẳng nên chị Th bỏ về nhà mẹ đẻ ở, từ đó chị Th và anh T sống ly thân. Anh T hiện nay đang đi làm ăn xa nhà, thì thoảng có về nhà, việc chị Th khởi kiện ly hôn với anh T gia đình cũng có thông báo cho anh T biết. Quan điểm của bà là chị Th và anh T mâu thuẫn đã quá lớn, hiện nay cũng không còn chung sống cùng nhau vì vậy bà đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật. Về việc giao nuôi con chung, kể từ khi chị Th về nhà mẹ đẻ ở thì cháu Ngô Bảo H, sinh ngày 28/12/2016 do gia đình bà và anh T cùng chăm sóc, nuôi dưỡng. Tuy nhiên, hiện nay anh T đang đi làm ăn xa nhà nên thời gian dành cho con cái không có. Bà đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương phát biểu quan điểm: Tòa án đã thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn sơ thẩm về việc “*Tranh chấp ly hôn*” là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 39, 147, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bàn Thị Th, xử cho chị Bàn Thị Th được ly hôn với anh Ngô Quang T. Về con chung: Giao cháu Ngô Bảo H, sinh ngày 28/12/2016 cho chị Bàn Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Về tài sản, đất đai, vay nợ không có tranh chấp nên không xem xét. Chị Th phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Th và anh T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn, vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp xác định là: *Tranh chấp ly hôn* theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: kết quả xác minh xác định anh Ngô Quang T đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn H, xã T, huyện Sơn Dương. Vì vậy, căn cứ khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương.

[3] Anh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 3 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Về yêu cầu ly hôn của chị Bàn Thị Th, HĐXX nhận định: Căn cứ kết quả xác minh tại chính quyền địa phương nơi cư trú của chị Th, anh T xác định: Chị Th và anh T kết hôn vào năm 2017. Sau khi kết hôn, anh chị làm ăn sinh sống tại thôn H, xã T, huyện Sơn Dương. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó khoảng năm 2019 vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm. Anh T hiện nay đang đi làm ăn xa nhưng thỉnh thoảng vẫn về nhà.

Bản thân chị Th xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể quay lại đoàn tụ được. Quá trình giải quyết vụ án, anh T không có ý kiến gì, không có mặt theo yêu cầu của Tòa án để tiến hành hòa giải, điều đó cho thấy anh T cũng không mong muốn hòa giải đoàn tụ.

Từ những căn cứ trên xác định, tình trạng hôn nhân giữa chị Th và anh T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị Th là chính đáng và có căn cứ cần chấp nhận theo quy định tại khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về việc giao nuôi con chung khi ly hôn, Hội đồng xét xử nhận định: Chị Th và anh T có 01 con chung là cháu Ngô Bảo H, sinh ngày 28/12/2016. Chị Th đề nghị được quyền nuôi dưỡng cháu H. Kết quả xác minh cho thấy hiện tại cháu H đang ở cùng với gia đình bố mẹ của anh T, do hiện nay anh T đi làm ăn xa nhà cụ thể công việc không rõ ràng, quá trình giải quyết vụ án anh T không hợp tác, không trình bày quan điểm về việc giao nuôi con chung khi ly hôn, căn cứ vào kết quả xác minh và ý kiến của chị Th, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Ngô Bảo H, sinh ngày 28/12/2016 cho chị Bàn Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ và phù hợp với thực tế. Anh T được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

[6] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Không có nên không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Th phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh T không phải nộp án phí.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 39, 147, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Bàn Thị Th về việc *Kiện Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn* đối với anh Ngô Quang T

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bàn Thị Th được ly hôn với anh Ngô Quang T.

2. Về con chung: Giao cháu Ngô Bảo H, sinh ngày 28/12/2016 cho chị Bàn Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Anh Ngô Quang T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bàn Thị Th phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003155 ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Anh Ngô Quang T không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 15/6/2020), vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu VT- HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Tuấn Linh

